

QUY CHẾ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1175/QĐ-KHTN ngày 24 tháng 9 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Tự nhiên – ĐHQG-HCM)*

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định chung về tổ chức và quản lý đào tạo trình độ đại học theo phương thức đào tạo tín chỉ của Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc Gia Thành Phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là Trường) bao gồm: Chương trình đào tạo và thời gian học tập; hình thức và phương thức tổ chức đào tạo; lập kế hoạch và tổ chức giảng dạy; đánh giá kết quả học tập và cấp bằng tốt nghiệp; những quy định khác đối với sinh viên.

2. Quy chế này áp dụng đối với sinh viên đại học hệ chính quy các khoá đào tạo, các đơn vị, cá nhân thuộc Trường có liên quan trong đào tạo trình độ đại học theo phương thức đào tạo tín chỉ.

3. Quy chế này là căn cứ để Trường xây dựng và ban hành các văn bản quy định cụ thể liên quan đến tổ chức và quản lý đào tạo trình độ đại học hệ chính quy theo phương thức đào tạo tín chỉ.

Điều 2. Chương trình đào tạo và thời gian học tập

1. Chương trình đào tạo được xây dựng theo đơn vị tín chỉ, cấu trúc từ các môn học hoặc học phần (sau đây gọi chung là học phần), trong đó phải có đủ các học phần bắt buộc và đáp ứng chuẩn chương trình đào tạo theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trong trường hợp đào tạo song ngành hoặc ngành chính - ngành phụ, chương trình đào tạo phải thể hiện rõ khối lượng học tập chung và riêng theo từng ngành.

2. Chương trình đào tạo là những thông tin cơ bản mà sinh viên cần nắm vững trong quá trình học tập, bao gồm: trình độ đào tạo, mục tiêu đào tạo, đối tượng đào tạo, chuẩn đầu ra kiến thức, kỹ năng, thái độ, trách nhiệm nghề nghiệp của sinh viên khi tốt nghiệp; khối lượng kiến thức, cấu trúc của chương trình đào tạo; khối lượng kiến thức lý thuyết, thực hành, thực tập của các học phần; kế hoạch đào tạo theo thời gian thiết kế; phương pháp và hình thức đánh giá đối với học phần; điều kiện tốt nghiệp; các điều kiện thực hiện chương trình.

3. Chương trình đào tạo bao gồm khối kiến thức giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp. Khối kiến thức giáo dục đại cương nhằm trang bị cho sinh viên

nền học vấn rộng; có thể giới quan khoa học và nhân sinh quan đúng đắn; hiểu biết về tự nhiên, xã hội và con người; nắm vững phương pháp tư duy khoa học; có đạo đức, nhận thức trách nhiệm công dân; có năng lực tham gia xây dựng và bảo vệ đất nước, trong đó các học phần bắt buộc phải có theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo bao gồm: lý luận chính trị, pháp luật, giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng - an ninh theo quy định hiện hành. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp được thể hiện theo 2 nhóm gồm nhóm kiến thức cơ sở ngành và nhóm kiến thức chuyên ngành, nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp ban đầu cần thiết.

4. Nội dung, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo áp dụng chung đối với các hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đối tượng người học khác nhau. Đối với người đã tốt nghiệp trình độ khác hoặc ngành khác, khối lượng học tập thực tế được xác định trên cơ sở công nhận, hoặc chuyển đổi tín chỉ đã tích lũy và miễn trừ học phần trong chương trình đào tạo trước.

5. Chương trình đào tạo phải được công khai đối với người học trước khi tuyển sinh và khi bắt đầu khóa học; những thay đổi, điều chỉnh liên quan đến chương trình đào tạo được thực hiện theo quy định hiện hành và công bố trước khi áp dụng, không gây tác động bất lợi cho sinh viên.

6. Đối với mỗi hình thức đào tạo, chương trình đào tạo được cung cấp kế hoạch học tập chuẩn toàn khoá để định hướng cho sinh viên. Thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khoá đối với hình thức đào tạo chính quy phải phù hợp với thời gian quy định trong Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân, đồng thời đảm bảo đa số sinh viên hoàn thành chương trình đào tạo.

7. Thời gian tối đa để sinh viên hoàn thành khoá học

Tùy theo khả năng học tập, sinh viên được rút ngắn hoặc kéo dài thời gian học như sau:

a) Sinh viên được phép rút ngắn tối đa một (01) năm học và kéo dài thêm không vượt quá ba (03) năm học theo kế hoạch học tập. Riêng đối với chương trình liên thông đại học, sinh viên kéo dài thêm không vượt quá hai (02) năm học theo kế hoạch học tập.

b) Quá thời hạn tối đa của khóa học, sinh viên sẽ bị xóa tên khỏi danh sách sinh viên của Trường.

c) Tùy vào trường hợp cụ thể, Hiệu trưởng xem xét và gia hạn thêm thời gian đào tạo cho sinh viên nhưng không được vượt quá hai lần thời gian thiết kế của khóa học tương ứng với mỗi chương trình đào tạo.

Điều 3. Học phần, đề cương chi tiết học phần và tín chỉ

1. Học phần

a) Học phần là một tập hợp hoạt động giảng dạy và học tập được thiết kế nhằm thực hiện một số mục tiêu học tập cụ thể, trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng thuộc một phạm vi chuyên môn hẹp trong chương trình đào tạo. Một học

phần thông thường được tổ chức giảng dạy, học tập trong một học kỳ. Mỗi học phần được ký hiệu bằng một mã số riêng do trường quy định.

b) Có hai loại học phần: học phần bắt buộc và học phần tự chọn.

- Học phần bắt buộc là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi chương trình đào tạo và bắt buộc sinh viên phải tích lũy.

- Học phần tự chọn là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết, nhưng sinh viên được tự chọn theo hướng dẫn của Trường nhằm đa dạng hoá hướng chuyên môn hoặc được tự chọn tùy ý để tích lũy đủ số học phần/số tín chỉ quy định cho mỗi chương trình đào tạo.

c) Ngoài việc được phân loại là bắt buộc hoặc tự chọn, các học phần có các khái niệm khác như sau:

- Học phần chung là các học phần được giảng dạy chung cho tất cả các ngành theo quy định (Giáo dục Quốc phòng - An ninh, Giáo dục Thể chất, các học phần lý luận chính trị, pháp luật...)

- Học phần tiên quyết: học phần tiên quyết đối với học phần A là học phần mà sinh viên phải học và thi đạt mới được đăng ký và theo học học phần A.

- Học phần học trước: học phần học trước với học phần A là học phần mà sinh viên phải hoàn thành quá trình học tập trước khi đăng ký và theo học học phần A.

- Học phần song hành: hai học phần được gọi là song hành khi sinh viên đăng ký học phần này thì bắt buộc phải đăng ký học phần kia.

- Học phần thay thế: là học phần được sử dụng thay thế cho một học phần đã được thay đổi hoặc điều chỉnh, không còn tổ chức giảng dạy trong chương trình đào tạo.

- Học phần tương đương: một học phần được gọi là tương đương với học phần A khi có nội dung kiến thức và thời lượng đáp ứng yêu cầu cơ bản của học phần A.

- Học phần tự chọn định hướng: là học phần mà sinh viên phải chọn trong các học phần định hướng cho một ngành, chuyên ngành cụ thể.

2. Mỗi học phần đều phải có đề cương chi tiết học phần, trong đó phải thể hiện rõ: mục tiêu; chuẩn đầu ra; số tín chỉ; số tiết theo cấu trúc học phần; điều kiện tiên quyết/học trước/song hành (nếu có), nội dung giảng dạy; phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả học tập; giáo trình, tài liệu tham khảo và các quy định khác (nếu có).

3. Tín chỉ được sử dụng để tính khối lượng học tập của sinh viên. Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; 30 hoặc 45 tiết thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận; 15 hoặc 30 tiết bài tập; 30 tiết làm tiểu luận, bài tập lớn hoặc đồ án, khóa luận tốt nghiệp.

4. Một tiết học được tính bằng 50 phút giảng dạy trực tiếp trên lớp.

Điều 4. Phương thức tổ chức đào tạo

1. Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc Gia Thành Phố Hồ Chí Minh áp dụng đào tạo theo tín chỉ đối với trình độ đại học cho tất cả các khóa và

hình thức đào tạo.

2. Đào tạo theo tín chỉ:

a) Là phương thức tổ chức đào tạo theo từng lớp học phần, cho phép sinh viên tích lũy tín chỉ của từng học phần và thực hiện chương trình đào tạo theo kế hoạch học tập của cá nhân, phù hợp với kế hoạch giảng dạy của Trường;

b) Sinh viên không đạt một học phần bắt buộc sẽ phải học lại học phần đó hoặc học một học phần tương đương theo quy định trong chương trình đào tạo, hoặc học một học phần thay thế nếu học phần đó không còn được giảng dạy;

c) Sinh viên không đạt một học phần tự chọn sẽ phải học lại học phần đó hoặc có thể chọn học một học phần tự chọn khác theo quy định trong chương trình đào tạo.

Điều 5. Hình thức đào tạo

1. Đào tạo chính quy

a) Các hoạt động giảng dạy được thực hiện tại Trường, riêng những hoạt động thực hành, thực tập, trải nghiệm thực tế và giảng dạy trực tuyến có thể thực hiện ngoài Trường;

b) Thời gian tổ chức hoạt động giảng dạy trong khoảng từ 06 giờ đến 20 giờ các ngày trong tuần từ thứ 2 đến thứ 7; thời gian tổ chức những hoạt động đặc thù của chương trình đào tạo được thực hiện theo quy định của cơ sở đào tạo.

2. Đối với các ngành đào tạo ưu tiên phục vụ nguồn nhân lực phát triển kinh tế - xã hội trong từng giai đoạn, Trường thực hiện theo hướng dẫn Bộ Giáo dục và Đào tạo với các hình thức đào tạo phù hợp.

Chương II

LẬP KẾ HOẠCH VÀ TỔ CHỨC GIẢNG DẠY

Điều 6. Kế hoạch giảng dạy và học tập

1. Kế hoạch giảng dạy và học tập được tổ chức thực hiện theo khóa học, năm học và học kỳ.

2. Khóa học là thời gian thiết kế để sinh viên hoàn thành một chương trình cụ thể. Tùy thuộc vào chương trình đào tạo, khóa học được quy định như sau:

a) Đào tạo trình độ đại học được thực hiện trong bốn năm học.

b) Đào tạo liên thông từ cao đẳng lên đại học thực hiện từ một năm rưỡi đến hai năm học;

c) Đào tạo liên thông, văn bằng 2: thời gian được xác định trên cơ sở học phần và khối lượng tích lũy quy định cho từng chương trình;

3. Tổng số tín chỉ trong một khóa học được ghi rõ trong chương trình đào tạo. Khối lượng và nội dung kiến thức của khóa học được quy định cụ thể cho từng năm học, từng học kỳ trong chương trình.

4. Một năm học của Trường được tổ chức như sau:

a) Đối với chương trình đại trà: một năm học có hai học kỳ chính, mỗi học kỳ chính có 15 tuần thực học. Ngoài hai học kỳ chính, Trường có thể tổ chức thêm học kỳ hè để sinh viên có điều kiện được học lại, học cải thiện hoặc học vượt. Mỗi học kỳ hè có ít nhất 5 tuần thực học.

b) Đối với chương trình Tiên tiến, Liên kết, Chất lượng cao: một năm học có 03 học kỳ chính với tổng số tối thiểu 30 tuần lên lớp.

c) Kế hoạch năm học thể hiện những mốc thời gian chính của các hoạt động đào tạo trong năm học cho tất cả hình thức, chương trình đào tạo, được công bố kịp thời tới các bên liên quan trước khi bắt đầu năm học.

5. Kế hoạch học kỳ bao gồm: kế hoạch mở lớp, hình thức dạy và học (trực tiếp hoặc trực tuyến), lịch học, lịch thi/kiểm tra của các học phần được tổ chức trong học kỳ cho các khoá học, chương trình đào tạo và hình thức đào tạo. Kế hoạch học kỳ phải được xây dựng và công bố kịp thời với đầy đủ thông tin cần thiết, bảo đảm thuận tiện cho sinh viên xây dựng kế hoạch học tập và đăng ký học tập.

6. Thời khoá biểu thể hiện thời gian, địa điểm, hoạt động dạy và học của từng lớp thuộc các khoá học, hình thức và chương trình đào tạo. Thời khoá biểu của các lớp học phân bình thường được bố trí đều trong các tuần của học kỳ. Trong trường hợp cần thiết phải xếp lịch học tập trung thời gian, số giờ giảng đối với một học phần bất kỳ không vượt quá 15 giờ/tuần và 4 giờ/ngày.

7. Phân bố giờ học

a) Giờ của tiết học tại cơ sở 227 Nguyễn Văn Cừ:

Buổi sáng	Buổi chiều	Buổi tối
Tiết 1 : 6g40-7g30	Tiết 7 : 12g30-13g20	Tiết 13 : 18g00-18g50
Tiết 2 : 7g30-8g20	Tiết 8 : 13g20-14g10	Tiết 14: 18g50-19g40
Tiết 3 : 8g30-9g20	Tiết 9 : 14g20-15g10	Tiết 15: 19g40-20g30
Tiết 4 : 9g20-10g10	Tiết 10: 15g10-16g00	
Tiết 5 : 10g20-11g10	Tiết 11: 16g10-17g00	
Tiết 6 : 11g10-12g00	Tiết 12: 17g00-17g50	

b) Giờ của tiết học tại cơ sở Linh Trung:

Buổi sáng	Buổi chiều
Tiết 1 : 7g30-8g20	Tiết 6 : 12g30-13g20
Tiết 2 : 8g20-9g10	Tiết 7 : 13g20-14g10
Tiết 3 : 9g20-10g10	Tiết 8 : 14g20-15g10
Tiết 4 : 10g10-11g00	Tiết 9: 15g10-16g00
Tiết 5 : 11g10-12g00	Tiết 10: 16g10-17g00

Điều 7. Tổ chức đăng ký học tập

1. Đăng ký học phần:

a) Đầu mỗi học kỳ, sinh viên phải theo dõi thông báo để nắm thông tin về các học phần sẽ mở trong học kỳ và đăng ký các học phần trên trang thông tin điện tử của Phòng Đào tạo hoặc của Khoa.

b) Tổng số tín chỉ của các học phần trong một học kỳ được tính bao gồm: số tín chỉ của học phần đăng ký mới, học phần học lại và học phần cải thiện.

c) Kết quả đăng ký học tập của mỗi sinh viên được thông báo trong tài khoản sinh viên và trên trang thông tin điện tử của Trường. Kết quả đăng ký học phần ghi rõ tên học phần, mã học phần, mã lớp, số tín chỉ và lịch học của mỗi học phần.

d) Sinh viên không tham gia học các học phần đã đăng ký được xem như tự ý bỏ học và phải nhận điểm không (điểm 0).

2. Số tín chỉ tối thiểu, tối đa trong học kỳ

a) Số tín chỉ đăng ký học tối thiểu trong học kỳ:

- Đối với chương trình Tiên tiến, Liên kết, Chất lượng cao: tối thiểu là 10 tín chỉ.

- Đối với chương trình đại trà: tối thiểu là 14 tín chỉ (không kể Giáo dục quốc phòng, Giáo dục thể chất và Ngoại ngữ tổng quát).

b) Số tín chỉ đăng ký học tối đa trong học kỳ chính:

- Đối với chương trình Tiên tiến, Liên kết, Chất lượng cao: tối đa là 22 tín chỉ.

- Đối với chương trình đại trà: tối đa là 25 tín chỉ.

- Số tín chỉ đăng ký học tối đa trong học kỳ hè là 12 tín chỉ

- Trong trường hợp đặc biệt sinh viên muốn đăng ký vượt quá số tín chỉ tối đa hoặc ít hơn số tín chỉ tối thiểu trong một học kỳ thì phải có đơn đề nghị, được Khoa đồng ý và Hiệu trưởng chấp thuận.

c) Đối với sinh viên học cùng lúc hai chương trình, tổng số tín chỉ đăng ký tối đa cho mỗi học kỳ chính là 37, mỗi học kỳ hè không vượt quá 15.

3. Điều chỉnh đăng ký học phần: theo kế hoạch điều chỉnh đăng ký học phần tại mỗi học kỳ.

4. Trách nhiệm của sinh viên:

a) Chủ động theo dõi kết quả đăng ký học phần để xác nhận hoặc điều chỉnh nếu có.

b) Thực hiện đầy đủ các yêu cầu như lên lớp, làm bài tập, thực hành, thí nghiệm, tham gia thảo luận, dự kiểm tra thường kỳ và thi kết thúc học phần.

Điều 8. Tổ chức giảng dạy và học tập

1. Yêu cầu về tổ chức giảng dạy và học tập:

a) Phát huy năng lực chuyên môn và trách nhiệm nghề nghiệp của đội ngũ giảng viên, phù hợp với quy định về chế độ làm việc của giảng viên;

b) Phát huy vai trò chủ động đồng thời đề cao trách nhiệm của sinh viên, tạo điều kiện và động lực để sinh viên nỗ lực học tập; giữ vững kỷ cương học đường, nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo;

c) Có cơ chế thanh tra, giám sát nội bộ và có hệ thống cải tiến chất lượng dựa trên thu thập, đánh giá ý kiến phản hồi của người học.

2. Dạy và học trực tuyến:

a) Hiệu trưởng quyết định tổ chức các lớp học theo phương thức trực tuyến khi đáp ứng các điều kiện theo quy định hiện hành.

b) Đối với đào tạo theo hình thức chính quy, tối đa 30% tổng khối lượng của chương trình đào tạo được thực hiện bằng lớp học trực tuyến. Trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh phức tạp và các trường hợp bất khả kháng khác, cơ sở đào tạo thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và ĐHQG-HCM.

3. Tổ chức lớp học

a) Lớp học phần: là lớp học bao gồm những sinh viên theo học cùng một học phần trong cùng một khoảng thời gian và cùng một giảng viên tạo thành một lớp học phần. Mỗi lớp học phần được ký hiệu bằng một mã số riêng do trường quy định. Hiệu trưởng quy định số lượng tối thiểu, tối đa cho mỗi lớp học phần tùy theo từng loại học phần. Nếu số lượng sinh viên đăng ký thấp hơn số lượng tối thiểu thì lớp học sẽ không được tổ chức.

b) Lớp sinh hoạt: bao gồm những sinh viên cùng khoá tuyển, cùng ngành và cùng chương trình đào tạo được tổ chức thành một lớp sinh hoạt, số lượng sinh viên của mỗi lớp sinh hoạt theo quy định về quản lý sinh viên.

3. Các quy định về tổ chức đào tạo

a) Hiệu trưởng ban hành quy định về triển khai công tác đào tạo bậc đại học hệ chính quy các chương trình.

b) Hiệu trưởng ban hành quy định về việc lấy ý kiến phản hồi của người học về các điều kiện bảo đảm chất lượng, hiệu quả học tập đối với tất cả các lớp học của cơ sở đào tạo và việc công khai ý kiến phản hồi của người học, bao gồm nội dung, mức độ, hình thức công khai.

Chương III

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP VÀ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP

Điều 9. Đánh giá học phần

1. Đối với mỗi học phần (ngoại trừ khóa luận tốt nghiệp/thực tập tốt nghiệp/đồ án tốt nghiệp/dự án tốt nghiệp), sinh viên được đánh giá tối thiểu bằng tổng của hai điểm thành phần bao gồm: điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần (điểm thi

cuối học kỳ). Các điểm thành phần được đánh giá theo thang điểm 10. Phương pháp đánh giá, hình thức đánh giá và trọng số của mỗi điểm thành phần được quy định trong đề cương chi tiết của mỗi học phần, được Khoa thông qua và được Hiệu trưởng phê duyệt. Điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần được quy định như sau:

a) Điểm quá trình chiếm tỉ trọng từ 50% đến 60% bao gồm tối thiểu ba trong số các hình thức sau đây: điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; điểm đánh giá tham gia thảo luận; điểm tổng hợp đánh giá các bài thực hành/thực tập; điểm bài tập lớn; điểm chuyên cần; điểm kiểm tra giữa học kỳ; điểm báo cáo seminar.

b) Điểm thi kết thúc học phần (điểm thi cuối học kỳ) chiếm tỉ trọng còn lại (không dưới 40%). Hình thức thi kết thúc học phần có thể là: thi viết (trắc nghiệm hoặc tự luận); thi vấn đáp; báo cáo chuyên đề/tiểu luận/đồ án; được tổ chức trực tiếp tại Trường theo quy định. Trong trường hợp bất khả kháng do thiên tai hoặc dịch bệnh, đánh giá cuối học kỳ theo hình thức thi viết có thể được tổ chức bằng phương thức trực tuyến; Hiệu trưởng quyết định lựa chọn đánh giá cuối học kỳ bằng phương thức trực tuyến thay cho phương thức trực tiếp theo quy định, bảo đảm trung thực, công bằng và khách quan như khi đánh giá trực tiếp.

2. Đối với loại học phần thực hành: sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm tổng hợp đánh giá học phần là các điểm thành phần bao gồm: điểm các bài thực hành trong học kỳ, điểm chuyên cần, điểm bài thi thực hành cuối kỳ.

3. Việc tổ chức thi, kiểm tra, thời gian thi, việc làm đề thi, coi thi, chấm thi, phúc tra, bảo quản bài thi sẽ được công bố tại quy định về công tác khảo thí của Trường.

Điều 10. Đánh giá đồ án tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp/thực tập tốt nghiệp/dự án tốt nghiệp

1. Xét làm khoá luận tốt nghiệp, đồ án tốt nghiệp

Vào đầu học kỳ cuối khoá học, căn cứ vào nguyện vọng của sinh viên và quy định của Khoa phụ trách đào tạo, Hội đồng Khoa xét và lập danh sách sinh viên được làm đồ án tốt nghiệp hoặc khoá luận tốt nghiệp/thực tập tốt nghiệp/dự án tốt nghiệp (sau đây gọi chung là khoá luận tốt nghiệp) như sau:

a) Làm khoá luận tốt nghiệp có khối lượng 10 tín chỉ.

b) Làm đồ án tốt nghiệp và học một số học phần chuyên ngành định hướng nghề nghiệp có khối lượng tổng cộng 10 tín chỉ.

c) Chọn học một số học phần chuyên ngành định hướng nghề nghiệp có khối lượng tổng cộng 10 tín chỉ theo quy định của chương trình đào tạo.

d) Điều kiện làm khoá luận hoặc đồ án tốt nghiệp dựa vào các tiêu chí như sau:

- Điểm trung bình tích lũy của khoá học.
- Tiêu chí khác theo quy định của Khoa phụ trách đào tạo.

2. Sinh viên thực hiện khoá luận tốt nghiệp và đồ án tốt nghiệp trong thời gian

là một học kỳ tại học kỳ cuối cùng của khoá học. Tuy đặc điểm của ngành đào tạo, sinh viên làm khoá luận tốt nghiệp có thể được giao đề tài sớm hơn.

3. Đánh giá khóa luận tốt nghiệp, đồ án tốt nghiệp

a) Đánh giá đồ án tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp được thực hiện bởi Hội đồng đánh giá đồ án tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp (sau đây gọi tắt là Hội đồng đánh giá).

b) Hội đồng đánh giá do Hiệu trưởng ký quyết định thành lập trên cơ sở đề nghị của Khoa phụ trách đào tạo. Hội đồng đánh giá khóa luận tốt nghiệp gồm 05 thành viên, Hội đồng đánh giá đồ án tốt nghiệp gồm 03 thành viên gồm: 01 chủ tịch, 01 thư ký và các ủy viên. Thành viên của Hội đồng đánh giá là giảng viên của trường hoặc có thể mời những người có chuyên môn phù hợp ở ngoài trường.

c) Điểm đánh giá khóa luận tốt nghiệp, đồ án tốt nghiệp được đánh giá theo thang điểm 10. Điểm tổng kết đánh giá khóa luận tốt nghiệp, đồ án tốt nghiệp được làm tròn tới một chữ số thập phân, là điểm trung bình cộng không tính hệ số của tất cả thành viên bao gồm: thành viên Hội đồng, người hướng dẫn và người phản biện. Nếu các Khoa có quy định khác về điểm tổng kết đánh giá khóa luận tốt nghiệp, đồ án tốt nghiệp so với cách tính này thì quy định về cách tính điểm này của Khoa phải được đề xuất bằng văn bản và được Hiệu trưởng phê duyệt.

d) Kết quả đánh giá khóa luận tốt nghiệp, đồ án tốt nghiệp phải được công bố ngay sau buổi bảo vệ, được tính vào điểm trung bình và trung bình tích lũy theo tổng số tín chỉ của khóa luận tốt nghiệp/đồ án tốt nghiệp.

a) Tổ chức bảo vệ và đánh giá khóa luận tốt nghiệp, đồ án tốt nghiệp được thực hiện trực tuyến trong trường hợp bất khả kháng do thiên tai hoặc dịch bệnh, Hiệu trưởng quyết định cho phép tổ chức bảo vệ và đánh giá đồ án tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp theo phương thức trực tuyến thay cho phương thức trực tiếp. Hướng dẫn tổ chức bảo vệ và đánh giá đồ án tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp theo phụ lục 1 đính kèm.

Điều 11. Tính điểm học phần

1. Điểm học phần theo thang điểm 10, là điểm cuối cùng để đánh giá kết quả của một học phần, được tính từ tổng các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng, được làm tròn tới một chữ số thập phân và được quy đổi theo thang điểm 4 và thang điểm chữ như sau:

Thang điểm 10	Điểm 4	Điểm chữ
9,0 đến 10,0	4,0	A+
8,0 đến cận 9,0	3,5	A
7,0 đến cận 8,0	3,0	B+
6,0 đến cận 7,0	2,5	B
5,0 đến cận 6,0	2,0	C

Thang điểm 10	Điểm 4	Điểm chữ
4,0 đến cận 5,0	1,5	D+
3,0 đến cận 4,0	1,0	D
<3,0	0,0	F

2. Thang điểm 4 và thang điểm chữ chỉ mang tính tham khảo, chuyển đổi khi cần thiết, không dùng để ghi và phân loại đánh giá.

3. Đối với các học phần đã hoàn tất đăng ký, sinh viên có trách nhiệm thực hiện đầy đủ và nghiêm túc mọi yêu cầu của giảng viên về việc lên lớp, làm bài tập, thực hành, thí nghiệm, tham gia thảo luận, tham dự kiểm tra giữa học kỳ và thi kết thúc học phần. Nếu không thực hiện phần việc nào, sinh viên sẽ nhận điểm không (0) cho điểm thành phần tương ứng.

4. Học phần có điểm từ 5,0 (năm) trở lên được xem là học phần đạt, số tín chỉ của học phần này được tính là số tín chỉ tích lũy.

5. Sinh viên vắng mặt trong buổi thi, đánh giá không có lý do chính đáng phải nhận điểm 0 (không) đối với điểm thành phần/hình thức kiểm tra tương ứng. Trường hợp sinh viên vắng mặt trong buổi thi cuối học kỳ nhưng có nộp đơn xin phép vắng thi và có lý do chính đáng sẽ được hoãn thi theo quy định tại Điều 12 của quy chế này.

Điều 12. Hoãn thi

1. Những trường hợp đột xuất và có lý do chính đáng (ví dụ như: ốm đau, tai nạn, hoàn cảnh khó khăn đột xuất) không thể dự thi cuối học kỳ, sinh viên sẽ được xem xét giải quyết cho hoãn thi.

2. Điểm của học phần hoãn thi được ký hiệu I (điểm I). Để được nhận điểm I, sinh viên phải hoàn tất học phí học kỳ và nộp đơn trình bày rõ lý do xin hoãn thi học phần cùng các giấy tờ xác nhận cần thiết cho Phòng đào tạo trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày thi để được xem xét.

3. Sinh viên sẽ không bị điểm không (0) đối với học phần được xét nhận điểm I ở học kỳ đó. Sinh viên phải nộp đơn đăng ký học lại học phần hoãn thi trong vòng một năm học tiếp theo. Sinh viên không phải đóng học phí học phần được điểm I khi được xét đăng ký học lại học phần này.

4. Đối với kiểm tra lấy điểm quá trình, trong trường hợp sinh viên vắng kiểm tra có lý do chính đáng thì giảng viên phụ trách giảng dạy sẽ chủ động giải quyết cho sinh viên được kiểm tra lại vào thời điểm khác trong khoảng thời gian trước ngày thi cuối học kỳ của học phần đó. Điểm thành phần của học phần hoãn thi sẽ không được bảo lưu.

Điều 13. Công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ (miễn học)

1. Sinh viên đã đạt hoặc có điểm đạt một học phần ở một trường khác nếu muốn xin miễn học đối với học phần đó thì phải làm đơn kèm theo xác nhận về nội dung đề cương, số tiết học, số tín chỉ và điểm học phần để gửi cho Trường vào đầu học

kỳ.

2. Trường sẽ xem xét công nhận, chuyển đổi tín chỉ trên cơ sở đối sánh chuẩn đầu ra, nội dung và khối lượng học tập, cách thức đánh giá học phần và các điều kiện bảo đảm chất lượng. Nếu được chấp thuận thì học phần được miễn sẽ có điểm mà sinh viên đã đạt tại Trường khác và kèm theo chữ bảo lưu (BL). Trường hợp điểm cụ thể không xác định, học phần được miễn sẽ có điểm được ký hiệu M (điểm M).

3. Điểm bảo lưu (BL) và điểm miễn (M) không tính vào điểm trung bình học kỳ và điểm trung bình tích lũy.

4. Khối lượng tối đa được công nhận, chuyển đổi không vượt quá 25% khối lượng học tập tối thiểu của chương trình đào tạo.

Điều 14. Học lại và học cải thiện điểm

1. Học lại

a) Sinh viên có điểm học phần không đạt phải đăng ký học lại, điểm lần học cuối là điểm chính thức của học phần

b) Đối với các học phần bắt buộc có điểm học phần dưới năm (5,0) sinh viên phải đăng ký học lại.

c) Đối với các học phần tự chọn có điểm học phần dưới năm (5,0) sinh viên được phép đăng ký học lại học phần đó hoặc chọn học phần khác thay thế trong số các học phần tự chọn được quy định cho mỗi chương trình đào tạo.

2. Học cải thiện điểm

a) Đối với các học phần đã đạt nhưng muốn cải thiện điểm thì sinh viên phải đăng ký học lại và nộp học phí theo quy định. Điểm lần học cuối là điểm chính thức của học phần.

b) Tùy vào điều kiện giảng dạy thực tế đối với các học phần, Trường sẽ quy định cụ thể các học phần không được học cải thiện (nếu có).

c) Điểm cải thiện không được sử dụng vào việc tính điểm trung bình học kỳ để xét học bổng khuyến khích học tập nhưng được tính vào điểm trung bình và điểm trung bình tích lũy.

Điều 15. Đánh giá kết quả học tập theo học kỳ, năm học, khóa học

1. Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ, sau từng năm học, hoặc khóa học của các học phần nằm trong yêu cầu của chương trình đào tạo mà sinh viên đã học tương ứng với hai cách tính điểm trung bình như sau:

a) Điểm trung bình: là điểm trung bình của những học phần mà sinh viên đã học trong một học kỳ, trong một năm học hoặc tính từ đầu khóa học được tính theo điểm chính thức của học phần và trọng số là số tín chỉ của học phần đó.

b) Điểm trung bình tích lũy: là điểm trung bình của những học phần mà sinh viên đã đạt trong một học kỳ, trong một năm học hoặc tính từ đầu khóa học được tính theo điểm chính thức của học phần và trọng số là số tín chỉ của học phần đó.

c) Không tính kết quả thi vào điểm trung bình hoặc điểm trung bình tích lũy đối với các học phần sau đây:

- Giáo dục quốc phòng - An ninh;
- Giáo dục thể chất;
- Ngoại ngữ (tổng quát);
- Tin học cơ sở;
- Các học phần khác theo quy định trong chương trình đào tạo.

d) Việc đánh giá kết quả hoặc điều kiện cấp chứng chỉ đối với học phần Giáo dục quốc phòng - An ninh, Ngoại ngữ theo quy định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Cách tính điểm trung bình và xếp loại

a) Điểm trung bình hoặc điểm trung bình tích lũy của học kỳ, năm học, khóa học được tính theo công thức sau:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^N a_i \cdot n_i}{\sum_{i=1}^N n_i}$$

Trong đó:

A là điểm trung bình

a_i là điểm học phần của học phần thứ **i**

n_i là số tín chỉ của học phần thứ **i**

N là tổng số học phần

b) Điểm trung bình học kỳ và điểm trung bình tích lũy được sử dụng để xét thôi học, xét cảnh báo học tập, xếp loại học lực và xếp hạng tốt nghiệp. Kết quả học tập học kỳ và kết quả tốt nghiệp được phân loại theo điểm như sau:

- Áp dụng từ khóa tuyển 2021 trở về sau:

Điểm trung bình	Xếp loại/hạng
a. Loại đạt	
Từ 9 đến 10	Xuất sắc
Từ 8 đến cận 9	Giỏi
Từ 7 đến cận 8	Khá
Từ 5 đến cận 7	Trung bình
b. Loại không đạt	Xếp loại
Từ 4 đến cận 5	Yếu
Dưới 4	Kém

- Áp dụng cho khóa 2020 trở về trước:

Điểm trung bình	Xếp loại/hạng
a. Loại đạt	
Từ 9 đến 10	Xuất sắc
Từ 8 đến cận 9	Giỏi
Từ 7 đến cận 8	Khá
Từ 6 đến cận 7	Trung bình khá
Từ 5 đến cận 6	Trung bình
b. Loại không đạt	Xếp loại
Từ 4 đến cận 5	Yếu
Dưới 4	Kém

3. Sinh viên được xếp trình độ năm học căn cứ số tín chỉ tích lũy được từ đầu khóa học (gọi tắt là N) và số tín chỉ trung bình một năm học theo kế hoạch học tập chuẩn là 38 tín chỉ, cụ thể như sau:

- Trình độ năm thứ nhất: $N < 38$;
- Trình độ năm thứ hai: $38 \leq N < 76$;
- Trình độ năm thứ ba: $76 \leq N < 114$;
- Trình độ năm thứ tư: $114 \leq N$.

Điều 16. Xử lý kết quả học tập theo tín chỉ

1. Cuối mỗi học kỳ chính, sinh viên được cảnh báo học tập nếu thuộc một trong hai trường hợp như sau:

- Tổng số tín chỉ đạt trong học kỳ nhỏ hơn 7 tín chỉ (ngoại trừ sinh viên đã đạt tối thiểu 130 tín chỉ tích lũy).
- Điểm trung bình chung học tập học kỳ liền kề trước đó dưới 3,0 hoặc điểm trung bình chung học tập của 2 học kỳ liền kề trước đó dưới 4,0.

2. Sinh viên bị buộc thôi học trong các trường hợp sau:

- Không hoàn thành nghĩa vụ học phí đúng thời gian quy định của trường;
- Tự ý bỏ học hoặc bỏ thi từ một học kỳ chính trở lên;
- Được cảnh báo học tập lần thứ ba liên tiếp;
- Bị kỷ luật ở mức bị buộc thôi học theo quy định hiện hành;
- Thời gian học tập vượt quá giới hạn theo quy định tại khoản 7 Điều 2 của Quy chế này.

3. Sinh viên thuộc diện bị buộc thôi học sẽ bị xóa tên khỏi danh sách sinh viên. Trường sẽ thông báo cho sinh viên biết chậm nhất một tháng sau khi có quyết định buộc thôi học.

4. Kết quả học tập đã tích lũy của sinh viên trong trường hợp sinh viên bị buộc thôi học được lưu trữ tại Trường.

Điều 17. Xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp

1. Sinh viên phải thực hiện quy trình và thủ tục xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp ngay sau khi đủ điều kiện.

2. Cuối mỗi học kỳ, Trường sẽ thông báo xét tốt nghiệp cho sinh viên.

3. Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

b) Tích lũy đủ số học phần và tổng số tín chỉ theo quy định của chương trình đào tạo;

c) Đã hoàn tất đủ các học phần Giáo dục quốc phòng (có chứng chỉ GDQP- An ninh) và Giáo dục thể chất;

d) Đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ theo quy định của Trường;

e) Đạt chuẩn trình độ tin học theo quy định trong các chương trình đào tạo của Trường;

f) Sinh viên đã đủ điều kiện tốt nghiệp ở học kỳ nào phải nộp hồ sơ xét tốt nghiệp ở học kỳ đó. Sinh viên được phép xin hủy điểm đối với các học phần tự chọn nếu không ảnh hưởng đến điều kiện được công nhận tốt nghiệp.

4. Hiệu trưởng ban hành quyết định thành lập Hội đồng xét tốt nghiệp để điều hành công tác xét tốt nghiệp. Thành phần của Hội đồng xét tốt nghiệp gồm có: Chủ tịch Hội đồng là Hiệu Trưởng hoặc phó Hiệu Trưởng; Trưởng phòng Đào tạo làm ủy viên thường trực; các thành viên khác là Trưởng Khoa chuyên môn, phó Trưởng Phòng Đào tạo, Trưởng Phòng Công tác sinh viên làm ủy viên.

5. Hiệu trưởng ban hành quyết định thành lập Ban thư ký Hội đồng xét tốt nghiệp để thực hiện công tác nhận và kiểm tra hồ sơ tốt nghiệp, xét tốt nghiệp, công bố danh sách tốt nghiệp, in và cấp phát bằng tốt nghiệp. Thành phần của Ban thư ký gồm có: Trưởng Ban thư ký là Trưởng Phòng Đào tạo, các phó Trưởng Ban là các Phó Trưởng Phòng Đào tạo; các thành viên khác là ủy viên.

6. Căn cứ kết quả xét tốt nghiệp và đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Hiệu trưởng ban hành quyết định công nhận tốt nghiệp cho những sinh viên đủ điều kiện theo quy định.

Điều 18. Cấp bằng tốt nghiệp

1. Những sinh viên đã nộp hồ sơ tốt nghiệp, nếu đủ điều kiện tốt nghiệp sẽ được Hiệu trưởng ra quyết định công nhận tốt nghiệp được cấp bằng tốt nghiệp trong thời hạn 03 tháng tính từ thời điểm sinh viên đáp ứng đầy đủ điều kiện tốt nghiệp và hoàn thành các nghĩa vụ với nhà Trường.

2. Bằng tốt nghiệp đại học được cấp theo ngành đào tạo. Việc cấp bằng được thực hiện theo quy chế văn bằng, chứng chỉ hiện hành.

3. Hạng tốt nghiệp được xác định căn cứ vào điểm trung bình tích lũy toàn khoá được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 15 của Quy chế này. Hạng tốt nghiệp của

sinh viên có điểm trung bình tích lũy loại xuất sắc và giỏi sẽ bị giảm đi một mức nếu đã bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong thời gian học.

4. Kết quả học tập của sinh viên được ghi vào bảng điểm theo từng học phần và phát kèm theo bằng tốt nghiệp.

5. Sinh viên đã hết thời gian học tập tối đa theo quy định nhưng chưa đủ điều kiện tốt nghiệp do chưa hoàn thành những học phần Giáo dục quốc phòng-An ninh hoặc Giáo dục thể chất hoặc chưa đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, công nghệ thông tin, trong thời hạn 03 năm tính từ khi thôi học được hoàn thiện các điều kiện còn thiếu và đề nghị xét công nhận tốt nghiệp.

6. Sinh viên không tốt nghiệp được cấp chứng nhận về các học phần đã tích lũy trong chương trình đào tạo của nhà trường khi có nhu cầu.

7. Sinh viên phải thực hiện quy trình và thủ tục xét tốt nghiệp công nhận tốt nghiệp ngay sau khi hoàn tất chương trình đào tạo và đủ điều kiện tốt nghiệp.

8. Cuối mỗi học kỳ, Trường sẽ thông báo xét tốt nghiệp cho sinh viên.

Chương IV

NHỮNG QUY ĐỊNH KHÁC ĐỐI VỚI SINH VIÊN

Điều 19. Nghỉ học tạm thời, thôi học

1. Sinh viên được xin nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp sau:

- a) Được điều động vào lực lượng vũ trang;
- b) Được cơ quan có thẩm quyền điều động, đại diện quốc gia tham dự các kỳ thi, giải đấu quốc tế;
- c) Bị ốm, thai sản hoặc tai nạn phải điều trị thời gian dài có chứng nhận của cơ sở khám, chữa bệnh có thẩm quyền theo quy định của Bộ Y tế;
- d) Có hoàn cảnh khó khăn đột xuất (có minh chứng) nhưng đã phải học tối thiểu 01 học kỳ tại Trường và không thuộc các trường hợp bị xem xét buộc thôi học hoặc xem xét kỷ luật.

2. Thời gian nghỉ học tạm thời vì lý do cá nhân tại điểm c và d khoản 1 Điều này phải được tính vào thời gian học chính thức quy định tại khoản 7 Điều 2 của Quy chế này.

3. Khi kết thúc thời gian xin nghỉ học tạm thời, nếu sinh viên muốn được tiếp nhận trở lại học tập tại Trường thì phải làm đơn xin học lại theo quy định.

4. Sinh viên xin thôi học vì lý do cá nhân, trừ trường hợp bị xem xét buộc thôi học hoặc xem xét kỷ luật, muốn quay trở lại học phải dự tuyển đầu vào như những thí sinh khác.

5. Hiệu trưởng ban hành quyết định nghỉ học tạm thời, tiếp nhận trở lại học và cho thôi học; sinh viên xin nghỉ học tạm thời được bảo lưu kết quả học tập đã tích lũy.

Điều 20. Chuyển chương trình, chuyển trường

1. Sinh viên được xem xét chuyển sang học từ chương trình Tiên tiến, Liên kết, Chất lượng cao được xem xét chuyển sang học chương trình đại trà cùng một ngành/nhóm ngành đào tạo khi có đủ các điều kiện sau:

a) Không đang là sinh viên trình độ năm thứ nhất hoặc năm cuối khóa, không thuộc diện bị xem xét buộc thôi học và còn đủ thời gian học tập theo quy định tại khoản 7 Điều 2 của Quy chế này;

b) Sinh viên đạt điều kiện trúng tuyển của chương trình, ngành/nhóm ngành đào tạo trong cùng khóa tuyển sinh;

c) Trường có đủ các điều kiện bảo đảm chất lượng, chưa vượt quá năng lực đào tạo đối với chương trình cùng ngành/nhóm ngành đào tạo đó theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

d) Được sự đồng ý của Trưởng khoa chuyên môn phụ trách chương trình, ngành đào tạo và của Hiệu trưởng.

2. Sinh viên được xem xét chuyển Trường khi có đủ các điều kiện sau:

a) Không đang là sinh viên trình độ năm thứ nhất hoặc năm cuối khóa, không thuộc diện bị xem xét buộc thôi học và còn đủ thời gian học tập theo quy định tại khoản 7 Điều 2 của Quy chế này;

b) Sinh viên đạt điều kiện trúng tuyển của chương trình, ngành đào tạo cùng khóa tuyển sinh tại nơi chuyển đến;

c) Nơi chuyển đến có đủ các điều kiện bảo đảm chất lượng, chưa vượt quá năng lực đào tạo đối với chương trình, ngành đào tạo đó theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

d) Được sự đồng ý của Hiệu trưởng cơ sở đào tạo xin chuyển đi và cơ sở đào tạo xin chuyển đến.

3. Thủ tục xin chuyển trường:

a) Sinh viên làm đơn xin học tại trường muốn chuyển đến.

b) Sinh viên nộp hồ sơ cho trường đang theo học gồm: đơn xin chuyển trường và minh chứng đã được tiếp nhận của Hiệu trưởng trường xin chuyển đến.

c) Trường có sinh viên xin chuyển đi tiếp nhận hồ sơ, xem xét và ra quyết định cho chuyển trường theo quy định.

d) Hiệu trưởng trường tiếp nhận ra quyết định thu nhận sinh viên, thực hiện công nhận các môn học đã tích lũy theo quy định.

4. Thời gian học được phép học tối đa đối với sinh viên chuyển đến là thời gian

tối đa hoàn thành khóa học tương ứng theo quy định tại khoản 7 Điều 2 của quy chế này.

Điều 21. Trao đổi sinh viên và hợp tác trong đào tạo

1. Trường hợp có sự hợp tác đào tạo giữa các cơ sở đào tạo, việc đánh giá và công nhận lẫn nhau số lượng tín chỉ mà sinh viên tích lũy tại cơ sở phối hợp đào tạo khác không vượt quá 25% tổng khối lượng của chương trình đào tạo.

2. Trường sẽ quy định cụ thể về điều kiện trao đổi sinh viên, hợp tác đào tạo, việc công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ cho sinh viên khi thực hiện chương trình đào tạo và công khai trên trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo (nếu có).

Điều 22. Học cùng lúc hai chương trình

1. Sinh viên được xét học cùng lúc hai chương trình sớm nhất tại thời điểm đăng ký khi sinh viên có đủ tất cả các điều kiện theo quy định như sau:

a) Đáp ứng ngưỡng bảo đảm chất lượng của chương trình thứ hai trong năm tuyển sinh

b) Ngành đào tạo của chương trình đào tạo thứ hai (ngành thứ hai) phải khác ngành đào tạo của chương trình đào tạo thứ nhất (ngành thứ nhất);

c) Phải cùng hình thức và trình độ đào tạo giữa hai chương trình đào tạo;

d) Đã hoàn tất ít nhất hai học kỳ của ngành thứ nhất;

e) Đạt tối thiểu 15 tín chỉ tích lũy/một học kỳ (không kể Ngoại ngữ, Giáo dục Quốc Phòng, Giáo dục thể chất, Tin học cơ sở).

f) Học kỳ liền kề trước thời điểm xét của ngành thứ nhất phải có điểm trung bình tích lũy học kỳ tối thiểu từ 7.0 trở lên.

g) Quy định khác của Khoa phụ trách đào tạo (nếu có).

2. Trong quá trình sinh viên học cùng lúc hai chương trình, sinh viên sẽ bị loại khỏi danh sách đã đăng ký học chương trình thứ hai nếu thuộc vào các trường hợp như sau:

a) Điểm trung bình tích lũy của chương trình thứ nhất đạt dưới điểm trung bình.

b) Đạt ít hơn 15 tín chỉ tích lũy/một học kỳ (không kể Ngoại ngữ, Giáo dục Quốc Phòng, Giáo dục thể chất, Tin học cơ sở).

3. Thời gian tối đa được phép học đối với sinh viên học cùng lúc hai chương trình là thời gian tối đa quy định cho chương trình thứ nhất, quy định tại khoản 7 Điều 2 của Quy chế này. Khi học chương trình thứ hai, sinh viên được công nhận kết quả của những học phần có nội dung và khối lượng kiến thức tương đương có trong chương trình thứ nhất.

4. Điều kiện để sinh viên được xét cấp bằng tốt nghiệp ngành thứ hai:

a) Được cấp bằng tốt nghiệp ở ngành thứ nhất.

b) Đủ điều kiện xét tốt nghiệp ở ngành thứ hai.

c) Nộp hồ sơ xét tốt nghiệp ngành thứ hai trong thời gian tối đa quy định cho

chương trình thứ nhất.

5. Trường chỉ tổ chức đào tạo chương trình thứ hai cho sinh viên khi đáp ứng các yêu cầu bảo đảm chất lượng về chỉ tiêu tuyển sinh, năng lực đào tạo; đồng thời có quy định chi tiết về quy trình, thủ tục, điều kiện đăng ký học và cấp bằng tốt nghiệp chương trình thứ hai.

Điều 23. Xử lý vi phạm đối với sinh viên

1. Sinh viên có gian lận trong thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập sẽ bị xử lý kỷ luật đối với từng học phần đã vi phạm theo các quy định của Quy chế thi tốt nghiệp Trung học phổ thông hiện hành do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Sinh viên thi hộ hoặc nhờ người thi hộ đều bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập 01 (một) năm đối với trường hợp vi phạm lần thứ nhất và buộc thôi học đối với trường hợp vi phạm lần thứ hai.

3. Người học sử dụng hồ sơ, văn bằng, chứng chỉ giả làm điều kiện trúng tuyển hoặc điều kiện tốt nghiệp sẽ bị buộc thôi học; văn bằng tốt nghiệp nếu đã được cấp sẽ bị thu hồi, hủy bỏ.

Điều 24. Điều khoản thi hành

1. Quy định này áp dụng cho các khóa tuyển sinh từ năm học 2021-2022.

2. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

3. Trong quá trình thực hiện, tùy theo yêu cầu thực tế, Hiệu trưởng sẽ xem xét và quyết định sửa đổi cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- ĐHQG-HCM (để báo cáo)
- Như điều 3;
- Lưu: VT, PĐT;



Trần Lê Quan